

CA DAO THAN THÂN

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được thân phận, nỗi niềm của người phụ nữ, người nông dân ngày xưa.
- Thấy được giá trị nghệ thuật của những hình ảnh so sánh, ẩn dụ và biểu tượng trong ca dao.

II — NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Cũng như ở bài trước, khi biên soạn văn bản này, ngoài việc dựa vào các sách sưu tầm chính đã ghi trong SGK còn có sự tham khảo một số tư liệu khác để lựa chọn những chi tiết hay.

2. Những bài ca dao thuộc chủ đề than thân có số lượng rất phong phú. Nội dung cảm xúc của những bài ca dao này đa dạng, chứa đựng ý nghĩa nhân đạo và dân chủ sâu sắc. Về nghệ thuật, những bài ca dao này có cách diễn tả riêng, thể hiện ở cảm xúc, hình ảnh và ngôn ngữ.

3. Đây là bài học thứ hai về ca dao, vì vậy khi hướng dẫn HS tìm hiểu bài, GV cần lưu ý giúp HS hiểu thêm về đặc điểm thể loại và phương pháp phân tích tác phẩm của thể loại này.

4. Có một số cách hiểu khác nhau về bài 5, GV nên tìm hiểu thêm những cách hiểu khác nhau này trong *Kho tàng ca dao người Việt*, tập II (Sđd, tr. 2903 - 2937).

5. Nếu có điều kiện, GV nên trình bày bằng giáo án điện tử khi giảng về những yếu tố truyền thống và sáng tạo trong từng chùm ca dao.

6. Kiểm tra, đánh giá

- Yêu cầu HS học thuộc lòng những bài ca dao đã học.
- Có thể sử dụng Câu hỏi 4 trong phần *Hướng dẫn học bài* hoặc câu hỏi trong phần *Bài tập nâng cao* để kiểm tra HS.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân mở đầu

GV có thể dựa vào phần *Tiểu dẫn* trong SGK để giới thiệu bài học.

2. Phân tổ chức dạy học

Hướng dẫn HS trả lời, thảo luận các câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài*.

Câu hỏi 1. Bài 1, 2, 3

– Ba bài ca dao này nói về thân phận chung – thân phận bị phụ thuộc hoàn toàn vào hoàn cảnh và vào người khác của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, đặc biệt là trong hôn nhân. Người phụ nữ chịu phận bị gả bán, chịu cảnh hôn nhân không có tình yêu.

– Bài 1, 2 dùng hình thức so sánh quen thuộc. Có một hệ thống những bài ca dao mở đầu bằng cụm từ "Thân em..." diễn tả thân phận, cuộc đời bị phụ thuộc, không được quyền quyết định của người phụ nữ. "Thân em..." đó là "lời chung" của người phụ nữ về giá trị con người và thân phận nhỏ bé, yếu ớt, đắng cay, tội nghiệp của họ, gọi ở người nghe sự chia sẻ và đồng cảm sâu sắc. (GV nên lấy thêm một số bài ca dao khác mở đầu bằng "Thân em..." để HS thấy rõ thêm đặc điểm này).

Trong ca dao, đằng sau hình ảnh so sánh bao giờ cũng là câu *miêu tả bổ sung*, khắc họa đậm hơn tâm sự của nhân vật trữ tình. *Tám lưa đào* đẹp, duyên dáng. *Giếng* cũng gợi một vẻ đẹp trong mát, nên thơ. Song, ở hai bài ca dao này, các hình ảnh trên được khai thác ở khía cạnh "bối cảnh sử dụng" ("chợ", "giữa làng") và "giá trị sử dụng" để diễn tả thân phận của người phụ nữ. Từ đặc điểm này, các bài ca dao làm nổi bật số phận hoàn toàn phó mặc cho sự rủi may của người phụ nữ: "giữa chợ", "giữa làng", không nơi bầu vú, bị phụ thuộc hoàn toàn vào người mua, vào cách sử dụng của các loại người khác nhau trong xã hội.

– Bài 3 là tâm sự về nỗi buồn khổ của người phụ nữ phải đi lấy chồng sớm, chịu phận tảo hôn. Đọt mù u non nớt đã bị bướm vàng đến đậu, giống như cô gái còn rất trẻ đã phải đi lấy chồng sớm. Giữa câu lục và câu bát có sự so sánh ngầm về hình ảnh (đọt mù u – cô gái trẻ, phải đi lấy chồng sớm). Cuộc đời làm vợ trong gia đình gia trưởng của xã hội phong kiến vô cùng đau khổ. Càng phải làm vợ sớm, càng khổ. Tiếng ru buồn là tâm sự riêng, họ không biết chia sẻ cùng ai ngoài đứa con nhỏ bé, ngây thơ. Bài ca dao đã diễn tả cảnh đáng thương và số phận đau buồn như đã thành *quy luật* của những người con gái bị tảo hôn.

Câu hỏi 2. Bài 4

– Đây là lời cô gái tâm sự với chàng trai mà cô yêu thương về những nỗi sợ của mình.

– Hai câu đầu làm theo *thể hứng* (một kiểu cấu tứ của ca dao). Thể này có nhiều dạng nhưng ở đây là đối cảnh sinh tình : nêu cảnh vật, sự việc trước, bộc lộ tâm tư, tình cảm sau ; giữa cảnh và tình có mối liên hệ. Cô gái bộc lộ tâm sự thâm kín : thiên nhiên, ngay cả vật vũng chắc như hòn đá cũng thay đổi, phiêu pha bởi năm tháng, hoàn cảnh, hướng chi tuổi xuân của con người, đặc biệt là của người con gái. Nỗi sợ này cô gái không nói ra nhưng cũng biểu hiện thoáng và liên quan cả đến những nỗi sợ ở bốn câu thơ sau.

– Những nỗi sợ của nhân vật trữ tình bộc lộ mâu thuẫn đáng thương giữa niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi và thân phận người con gái trong xã hội phong kiến xưa. Mâu thuẫn ở chỗ cô gái yêu thương chàng trai mà không dám nói ra, "muốn kết tóc ở đời" với chàng trai mà chưa dám nhận lời. Chẳng phải vì xấu hổ – nữ tính cố hữu của người phụ nữ. Âm ảnh vây quanh cô là bao nỗi sợ. Cứ sau mỗi câu nói ước muốn là câu thơ nói về nỗi sợ. Sợ mẹ, sợ cha, sợ cả chính chàng trai nữa. Và nỗi sợ về chàng trai mới là điều băn khoăn nhất, nỗi sợ lớn nhất.

– Những hình ảnh so sánh đã thể hiện những sắc thái khác nhau trong nỗi sợ của cô gái. "Sợ mẹ bằng biển, sợ cha bằng trời". Nỗi sợ mẹ cha được "đo", được diễn tả bằng những hình ảnh truyền thống, những hình ảnh rộng lớn, không thể đo được. Trong xã hội phong kiến, "Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy", vì vậy người con, nhất là người con gái không được tự do yêu đương. Cô gái không dám nói với cha mẹ tình yêu, ước muốn của mình, còn với chàng trai, cô đã nói ra. Nói ước muốn và nói cả nỗi sợ. Nỗi sợ được diễn tả bóng bẩy, tế nhị. "Mây bạc" là ẩn dụ về tình cảm của chàng trai. Tình yêu của chàng trai tuy đẹp (như "mây bạc giữa trời") nhưng sợ cũng mỏng và mau tan (như "mây bạc giữa trời"). Đây mới chính là nỗi sợ lớn nhất của cô gái (dù nó không được diễn tả ở mức độ "bằng biển", "bằng trời"). Đây cũng chính là chỗ khó nói nhất : *sợ tình yêu của anh không bền chặt, em chuta dám nhận lời*. Không phải ngẫu nhiên nỗi sợ này lại được cô gái nói sau cùng. Nhưng sợ thì sợ, mà thương vẫn thương. Mâu thuẫn đáng thương giữa niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi và thân phận "đàn bà" (bi kịch lớn của người phụ nữ trong xã hội phong kiến), được diễn tả rất sinh động, sâu sắc trong bài ca dao này.

Câu hỏi 3. Bài 5

– Tình cảnh con cò được tác giả dân gian kể trong hai câu đầu. Đó là tình cảnh người đi kiếm ăn trong hoàn cảnh đặc biệt, gặp rủi ro và lâm nạn.

Thông thường, cò đi kiếm ăn vào ban ngày chứ không phải ban đêm như loài vạc. Cò đi kiếm ăn ban đêm là điều trái tập tính, quy luật tự nhiên. Song từ đây mà cho rằng "ăn đêm... tức là phạm pháp" thì quá khiến cưỡng, võ đoán. Cũng quá khiến cưỡng, võ đoán nếu cho rằng "cành mêm", "ao" là "lưới pháp luật của chính quyền phong kiến" (!).

Cò đi kiếm ăn vào ban đêm và lâm nạn là điều đặc biệt. Tác phẩm nghệ thuật thường kể và khai thác những điều đặc biệt. Tình cảnh con cò được kể trong hai câu đầu chỉ là cái nền để tác giả dân gian thể hiện một cách tinh tế, sâu sắc và chủ yếu những điều muốn nói qua ngôn ngữ trực tiếp của nhân vật trong bốn câu sau.

– Trong lời tâm sự của con cò có một số cụm từ cần phải hiểu đúng :

+ "Tôi có lòng nào" : tôi có ý gì xấu (thường dùng khi có ý thanh minh, phân trần).

+ "Nước trong", "nước đục" : những cụm từ, hình ảnh này trong bài mang nghĩa bóng, nghĩa ẩn dụ. Tục ngữ có câu : "Chết trong hơn sống đục". Trong văn cảnh bài ca, "nước trong" và "nước đục" là những cảnh huống bộc lộ sự lựa chọn. Nếu phải chết, cò muốn chết trong "nước trong" (tức chết trong danh dự) chứ không phải trong "nước đục"(tai tiếng, nhục nhã, hổ thẹn).

– Lời con cò thể hiện những nỗi niềm sau :

+ Cò khao khát được sống. Tiếng kêu của nó chân thành, gấp gáp, là tiếng kêu cứu cầu được sống.

+ Cò tượng trưng cho người lương thiện đêm ngày lặn lội kiếm ăn vất vả, lại gặp rủi ro, hoạn nạn. Lời con cò là lời phân trần chân thật về cảnh ngộ đáng thương của nó.

+ Trong việc lựa chọn sự sống, cái chết, cò luôn hướng đến danh dự. Nếu phải chết, cò vẫn luôn nghĩ đến lương tâm, trách nhiệm của mình đối với thế hệ nối tiếp. Nó muốn được chết trong "nước trong", chết sạch, thơm. Nó không muốn chết trong "nước đục" bởi nghĩ đến sự "đau lòng" vì hổ thẹn của cháu con.

– Trong ca dao, con cò là biểu trưng của người nông dân. (GV cần cung cấp hoặc yêu cầu HS sưu tầm thêm một số bài ca dao có hình ảnh con cò). Ví dụ :

- *Nước non lặn đận một mình,
Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay.
Ai làm cho bể kia đầy,
Cho sông kia cạn, cho gầy cò con.*
- *Trời mưa
Quả dưa vẹo vọ
Con ốc nằm co
Con tôm đánh đáo
Con cò kiếm ăn.*

Người nông dân thường mượn hình ảnh con cò để diễn tả cuộc đời, thân phận của mình, bởi vì :

+ "Trong các loài chim kiếm ăn ở đồng ruộng, chỉ có con cò gân gỏi người nông dân hơn cả. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân Việt Nam thấy con cò ở bên họ : con cò lặn lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa bát ngát, con cò đứng trên bờ ruộng rĩa lông rĩa cánh, ngắm nghía người nông dân"⁽¹⁾.

+ Cò có nhiều đặc điểm giống người nông dân : thân cò gầy guộc ; cò chịu khó, vất vả lặn lội kiếm ăn.

Câu hỏi 4. Liệt kê những hình ảnh so sánh, ẩn dụ, biểu tượng của chùm ca dao trong bài học.

- GV hướng dẫn HS đọc lại năm bài ca dao đã học, nhớ lại các định nghĩa về *so sánh, ẩn dụ, biểu tượng* trước khi trả lời câu hỏi này.

- Có thể lập bảng thống kê những hình ảnh trên như sau :

So sánh	Ẩn dụ	Biểu tượng
Tám lùa đào Giếng giữa đàng Biển Trời	Chợ Bướm vàng Đọt mù u Mây bạc	Con cò

- Những hình ảnh này rất phổ biến trong ca dao, bởi vì :

+ Đây là những hình ảnh trong tự nhiên và sinh hoạt, quen thuộc và gần gũi với nhân dân.

(1) Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, Sđd, tr. 70 -71.

+ Có khả năng gợi cảm xúc, liên tưởng thơ ca, có đặc tính phù hợp với ý nghĩa ước lệ mà chúng biểu hiện (GV cần lấy thêm ví dụ minh họa cho ý này).

3. Phân củng cố

– *Ca dao than thân* có số lượng lớn và rất tiêu biểu cho kho tàng ca dao cổ truyền của dân tộc về nội dung cũng như nghệ thuật biểu hiện.

– *Ca dao than thân* đã diễn tả thân phận, nỗi niềm đau khổ, đắng cay của con người, đặc biệt là người phụ nữ, người nông dân trong xã hội cũ. Ngoài ý nghĩa than thân, các bài ca dao này còn chứa đựng ý nghĩa phản kháng, tố cáo xã hội phong kiến xưa. Ý nghĩa nhân đạo, dân chủ của các bài ca dao này rất sâu sắc.

– Ở *ca dao than thân*, tác giả dân gian thường dùng những hình ảnh so sánh, ẩn dụ, biểu tượng truyền thống giản dị, quen thuộc, giàu sức ám ảnh để diễn tả thân phận, nỗi niềm của con người.

– Học ca dao, như nhà thơ Xuân Diệu nhận xét, là "học cái hiện thực của việc đời qua mấy nghìn năm trong đó, học các tương quan xã hội, học các tương quan nam nữ trong các chế độ cũ [...] học máu và mồ hôi, nước mắt [...] của những con người", là học "thơ trong ca dao".

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

GV cần lưu ý HS : Sưu tâm càng phong phú những bài ca dao theo yêu cầu của bài tập càng tốt.

HS cần nêu được các ý sau :

– Sự phong phú, đa dạng của những bài ca dao này và nguyên nhân của sự phong phú, đa dạng đó.

– Nội dung, chủ đề của những bài ca dao than thân mở đầu bằng "Thân em..." hoặc những bài ca dao về hình ảnh con cò.

– Đặc điểm nghệ thuật của những bài ca dao nói trên.

– Ý nghĩa dân chủ, nhân đạo của từng hệ thống bài ca dao.

Đối với những HS làm bài tập nâng cao giới thiệu hình ảnh con cò trong ca dao, GV có thể gợi ý để các em tìm hiểu thêm sự tiếp thu sáng tạo hình ảnh này trong thơ ca hiện đại.